

Số: ~~231~~ QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 28 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh, cập nhật dự án Xây dựng hệ thống thoát nước,
thu gom và xử lý nước thải thành phố Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Ninh Bình tại Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 27/01/2016 và kết quả thẩm định của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 94/SXD-HĐXD ngày 26/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, cập nhật dự án Xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Ninh Bình, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổ chức tư vấn cập nhật dự án: Liên danh Công ty SAMAN và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng SHD.

2. Chủ nhiệm lập dự án cập nhật: Ko Jeong Hwan.

3. Nội dung và quy mô điều chỉnh, cập nhật:

3.1. Điều chỉnh thiết kế

a) Điều chỉnh hướng tuyến của đường ống thu gom tuyến Ngô Gia Tự

- Hướng tuyến ban đầu: Từ cầu Lim dọc Quốc lộ 10 (PS5) đến đường sắt rẽ dọc sang đường Ngô Gia Tự (cọc 7.15) gồm đường ống HDPE DN350(D400) L=371m, HDPE DN80(D90) L=371m.

- Hướng tuyến điều chỉnh: Từ cầu Lim (PS5) đi dọc theo bờ Đông sông Vân đến đường Bà Triệu, đi dọc đường Bà Triệu đến đường Ngô Gia Tự (cọc 7.15); Sử dụng đường ống HDPE D450 L=747m, HDPE D110 L=747m, đoạn còn lại giữ nguyên theo thiết kế cũ.

b) Điều chỉnh mái kè dọc sông Vạc của Trạm xử lý nước thải:

- Thiết kế cũ: Kè đá hộc dày 400 VXM mác 100 rộng 8,15m; cao độ đáy kè -2,1m; đỉnh kè +3,5m; mái dốc 1/1,5; tổng chiều dài khu A và khu B là 577m.

- Thiết kế điều chỉnh: Dãy tường rào vào gần sát các hồ xử lý nước thải; kết cấu tường kè: Móng cọc BTCT mác 300 kích thước dự kiến 300x300, chiều dài mỗi cọc dự kiến 12m; tường chắn bằng BTCT, bê tông đá 2x4 mác 250, đế tường kè rộng 2m cao 0,8m, tường kè hình thang: Đáy rộng 0,8m, đỉnh rộng 0,4m, cao 2,7m. Trên tường kè xây tường rào như thiết kế cũ với tổng chiều dài 573m.

c) *Điều chỉnh trắc dọc tuyến cống tự chảy đường 30/6* sâu hơn so với thiết kế ban đầu 0,8m từ cọc 5.8 đến trạm bơm PS2 có tổng chiều dài 518m, điều chỉnh biện pháp thi công sang gia cố thành mương bằng cọc Lasen loại dài 9m.

3.2. Các hạng mục bổ sung:

a) *Mái che hồ hiếu khí của Trạm xử lý nước thải:*

- Xây dựng bổ sung mái che ngăn mùi cho hai hồ hiếu khí. Diện tích mặt bằng mái che: 1.855 m², tổng diện tích mái che: 3.710 m²; Kết cấu: Móng bê BTCT đỡ cột, bê tông đá 1x2 mác 250, kích thước móng 2,0mx3,5mx0,7m; Hệ thống cột đỡ vì kèo bằng BTCT, bê tông đá 1x2 mác 250, tiết diện cột 500x800; vì kèo thép tiền chế; mái lợp tấm Polycarbonate trên hệ xà gồ thép hình C180x50x18x2.2.

- Hai đầu hồi bịt bằng tấm Polycarbonate dày 4ly, có bố trí 01 cửa đi và 2 cửa sổ lùa bằng nhôm kính.

b) *Di chuyển tuyến đường dây 10kV hiện trạng đi qua khu vực trạm xử lý đảm bảo khoảng tĩnh không an toàn điện.*

- Lắp dựng cột ly tâm: 2 cột LT-18(C); 3 cột LT-18(D); 1 cột LT-16c.

- Rải 1462m dây dẫn AxsVX-70mm².

c) *Bổ sung tuyến ống dịch vụ và đấu nối cho khu vực phường Bích Đào:* Ống HDPE D315 PN6, L=549m; Ống uPVC D225 PN6, L=6.219m; Ống uPVC 110 đấu nối hộ dân, L=772m; Đấu nối hệ thống thoát nước thải từ 100 hộ dân; hố ga chờ đấu nối cho 700 hộ.

d) *Bổ sung tuyến ống dịch vụ và đấu nối cho khu vực Triều Cả phường Ninh Phong bao gồm:* Ống uPVC D225 PN6, L=6.616m; Ống uPVC 110 đấu nối hộ dân, L=4250m; Đấu nối hệ thống thoát nước thải từ 850 hộ dân.

e) *Bổ sung tuyến cống hộp tiêu nước chống ngập úng đường Triệu Việt Vươn, phường Bích Đào:* Cống hộp BTCT, đá 1x2 mác 300 gồm:

- Cống BxH = 2,0mx1,7m; L = 193,5m;

- Cống BxH = 2,0mx1,8m; L = 268m;

- Cống BxH = 2,0mx1,9m; L = 300m;

- Cống BxH = 2,0mx2,1m; L = 235,5m.

g) *Bổ sung hệ thống quản lý, điều khiển tự động Skada:* Để nâng cao hiệu quả vận hành.

4. Tổng mức đầu tư cập nhật sau điều chỉnh: 430.306 triệu đồng

(Bốn trăm ba mươi tỷ, ba trăm lẻ sáu triệu đồng)

Bảng tổng hợp tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung:

ĐVT: triệu đồng

| TT | Khoản mục chi phí | Tổng mức đầu tư (Đã phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 30/12/2013) | Giá trị Ước thực hiện xong các gói thầu của dự án | Giá trị thay đổi so với Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 | Giá trị đầu tư các hạng mục xin điều chỉnh, bổ sung từ nguồn vốn dự | Tổng mức đầu tư điều chỉnh cập nhật |
|----------|------------------------|--|---|---|---|-------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 | 6 | 7=6+4 |
| 1 | Tổng mức đầu tư | 416.156 | 374.028 | -42.128 | 56.278 | 430.306 |
| 1 | Chi phí xây dựng | 310.969 | 308.561 | -2.408 | 56.185 | 364.746 |
| 2 | Chi phí QLDA | 3.631 | 3.839 | 208 | 0 | 3.839 |
| 3 | Chi phí tư vấn | 35.807 | 32.823 | -2.984 | 0 | 32.823 |
| 4 | Chi phí khác | 16.924 | 4.598 | -12.326 | 93 | 4.690 |
| 5 | Chi phí GPMB | 24.000 | 24.000 | 0 | 0 | 24.000 |
| 6 | Chi phí dự phòng | 24.825 | 208 | -24.617 | 0 | 208 |

5. Nguồn vốn:

- Vốn vay từ Ngân hàng thế giới là: 16,509 triệu USD (tương đương 358.911 triệu đồng, tỷ giá 1USD = 22.280 đồng, thời điểm 30/10/2015).

- Vốn đối ứng tỉnh Ninh Bình: 3,274 triệu USD (tương đương 71.395 triệu đồng, tỷ giá 1USD = 22.280 đồng, thời điểm 30/10/2015)

6. Thời gian thực hiện: Năm (2012÷2016).

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo quyết định phê duyệt điều chỉnh, cập nhật và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Ninh Bình và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Lưu VT, VP4/

B/11.QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch